HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2019/NQ-HĐND	*Sóc Trăng, ngày 06 tháng 12 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét Tờ trình 151/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024, cụ thể như sau:

1. Giá đất ở tại khu vực đô thị và giá đất ở tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh được quy định tại Phụ lục 1 và Khoản 7, Khoản 8 Phụ lục 6.

2. Giá đất phi nông nghiệp (trừ đất ở) trên địa bàn tỉnh được quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục 6.

3. Giá đất nông nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố Sóc Trăng được quy định tại các Phụ lục 2, 3, 4 và 5.

4. Giá đất ở của các hẻm, hẻm của hẻm chưa được quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 6 được tính toán theo hệ số, vị trí về chiều sâu và chiều rộng của hẻm; tỷ lệ % giá đất tính theo chiều sâu thâm hậu của thửa đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cho phù hợp, nhưng mức giá trên địa bàn thành phố Sóc Trăng không được thấp hơn 250.000 đồng/m^2; mức giá trên địa bàn thị trấn các huyện, các phường của thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm thuộc đô thị loại IV, loại V không được thấp hơn 200.000 đồng/m^2; mức giá trên địa bàn các xã còn lại của các huyện, thị xã không được thấp hơn 150.000 đồng/m^2.

5. Bảng giá các loại đất được sử dụng làm căn cứ thực hiện các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 2.

1. Giá đất theo Nghị quyết này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: TN&MT, TC;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng TTĐT;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Lâm Văn Mẫn